

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2022

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu, ông Trần Văn Thiện.
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân – Thư ký
- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải -

Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1990 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Tiến S, xã Hợp Đ, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1996 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Tiến S, xã Hợp Đ, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/10/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L1 kết hôn ngày 28/6/2019, trước khi kết hôn có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện khoảng một thời gian ngắn rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì tháng 2/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thường đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nên vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống. Anh và chị L1 sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không ai quan tâm nhau nữa, từ đó anh ở tại chỗ làm việc không về sống cùng chị L1, vào đầu năm 2021 anh đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh đã rút đơn, từ đó mối quan hệ vợ chồng càng thêm trầm trọng không thể nào hàn gắn được nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin ly hôn với chị L1. Trường hợp chị L1 không đồng ý ly hôn thì anh vẫn không về sống chung với chị L1.

- Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 01/6/2020 hiện nay con đang ở với chị L1. Khi ly hôn anh đồng ý để chị L1 nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh L có mặt và giữ nguyên yêu cầu.

Tại đươn trình bày ý kiến ghi ngày 24/11/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị và anh L không có mâu thuẫn gì, giữa chị và anh L cũng như gia đình bên chồng không có mâu thuẫn gì, hiện chị vẫn sống chung với gia đình anh L. Nay anh L xin ly hôn chị không đồng ý. Tại phiên tòa chị L1 có mặt và trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị có nguyện vọng mong muốn anh L rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu anh L cương quyết ly hôn chị thì chị đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 01/6/2020 hiện nay con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với số tiền là 5.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên toà anh L trình bày anh làm nghề trang trí nội thất với mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/ tháng nên anh đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung với chị L1 là 5.000.000 đồng/tháng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn chị Nguyễn Thị L1, giao cho chị L1 nuôi dưỡng con chung, anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L1 là 5.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn và con chung với chị L1 có nơi cư trú tại thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đ, huyện Tân Yên, Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị L1 kết hôn ngày 28/6/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đ nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh L. Quá trình chung sống do anh L thường đi làm ăn xa nhà, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến khoảng tháng 02 năm 2020 anh L có đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh lại rút đơn, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn. Nay anh L xác định không còn tình cảm với chị L1 nên đề nghị xin được ly hôn chị L1. Tại phiên tòa chị L1, anh L đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay không ai quan tâm đến nhau nhưng chị L1 vẫn có nguyện vọng mong muốn anh L

rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L vẫn cương quyết ly hôn vì không về chung sống cùng chị L1 nên chị L1 đồng ý ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh L, chị L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh L ly hôn chị L1 là phù hợp.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Anh L, chị L1 có 01 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 01/6/2020. HĐXX thấy, con chung còn nhỏ (con dưới 36 tháng tuổi) hiện nay do chị L1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển bình thường, anh L cũng đồng ý để chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX giao con chung cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp.

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và các bản khai anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị L1 có mặt và đưa ra yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị L1 với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng. Về yêu cầu này anh L đồng ý nên HĐXX chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị L1 là phù hợp.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh L, chị L1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn chị Nguyễn Thị L1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 01/6/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L1 với mức là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh L không nộp đủ số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm nộp đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011321 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Anh Nguyễn Ngọc L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thiện

Nguyễn Quốc Sửu

Nguyễn Thị Duyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Hợp Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Duyên